



Đức Phật Thích Ca giới thiệu Phật A Di Đà trước khi nhập Niết bàn?

ISSN: 2734-9195

15:31 29/10/2026

Ánh sáng vô lượng của Ngài cũng được diễn giải như biểu tượng cho trí tuệ viên mãn, có khả năng phá trừ vô minh và giúp hành giả hội đủ những điều kiện cần thiết để tiến đến giác ngộ.

Các cảnh giới của phàm phu, bậc A la hán và Bồ tát

Theo quan điểm Giáo lý Tịnh độ, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và Đức Phật A Di Đà đều là những bậc Giác ngộ. Theo lời Đức Phật Thích Ca được ghi trong kinh A Di Đà, Ngài giáo hóa Cối Ta bà, còn Đức Phật A Di Đà giáo hóa Cối Cực Lạc.

Ta bà (Sanskrit: *Sahā*, nghĩa là nhẫn chịu) là thế giới mà chúng sinh phàm phu như chúng ta đang sinh sống. Trong khi đó, cõi Cực Lạc, còn được gọi là cõi An Lạc, là thế giới thanh tịnh gắn liền với sự hiện diện của các bậc Bồ tát có công đức thù thắng.

Theo giáo lý nhân quả của Phật giáo, chúng sinh phàm phu trong thế giới này có thể tái sinh trong sáu đường: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, loài người, A tu la và cõi trời. Quá trình ấy tiếp diễn qua nhiều đời, nhiều kiếp, tạo thành vòng luân hồi sinh tử không ngừng trong cõi Ta bà còn nhiều nhiễm ô. Cảnh giới tái sinh trong đời sau chịu ảnh hưởng của những hành vi thiện, ác đã tạo trong đời này và các đời trước, khi những nhân duyên tương ứng hội đủ.

Theo Phật giáo thì vòng quay sinh - tử luân hồi chính là một trong những nguồn gốc căn bản của khổ đau.



Bức phù điêu mô tả đức Phật nhập Niết bàn, khoảng thế kỷ thứ ba.
Nguồn: metmuseum.org

Muốn thoát khỏi vòng luân hồi, con người cần thực hành giáo pháp của đức Phật, tinh tấn tu tập các pháp thiện định và những thiện hạnh tạo phước. Qua đó, hành giả phát triển trí tuệ, thực hành điều thiện, từng bước đoạn trừ vọng tưởng và chấp chước, hướng đến giải thoát.

Theo quan niệm Phật giáo, những người đạt được các thành tựu tu chứng tương ứng có thể trở thành bậc thánh như A la hán hoặc Bồ tát.

Điểm khác biệt chủ yếu giữa hai hạnh nguyện này là: bậc A la hán hướng đến giải thoát khổ đau cho bản thân, trong khi Bồ tát không chỉ cầu giải thoát cho mình mà còn phát nguyện cứu độ chúng sinh, giúp người khác vượt qua khổ đau.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và thân phận Thái tử tại Ấn Độ

Theo các ghi chép lịch sử Phật giáo, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni vốn là Thái tử Tất Đạt Đa Cồ Đàm (Siddhārtha Gautama), sinh ra tại vùng đất thuộc Nepal ngày nay, khoảng 2.600 năm trước. Sau khi thành đạo ở tuổi 35, Ngài đi khắp miền Bắc Ấn Độ để truyền bá giáo pháp.

Sau khi giác ngộ dưới cội Bồ đề, Đức Phật Thích Ca tuyên bố rằng tất cả chúng sinh đều có trí tuệ và công đức của Như Lai, nhưng do vọng tưởng và chấp chước nên không thể nhận ra, phát huy những phẩm chất vốn có ấy.

Thông qua việc giải đáp các câu hỏi của đệ tử, Đức Phật giảng dạy những pháp môn thuộc Thanh văn thừa và Đại thừa, hướng dẫn người tu tập từng bước vượt thoát khổ đau và tiến bước trên con đường giác ngộ.

Theo quan điểm Phật giáo, Đức Phật Thích Ca xuất hiện tại cõi Ta bà trong thân ứng hóa, giữa một thế giới hữu vi, nơi chúng sinh còn bị ràng buộc trong vòng sinh tử luân hồi. Vậy vì sao Ngài thị hiện tại cõi Ta bà?

Trong kinh Vô Lượng Thọ, Đức Phật dạy rằng Như Lai vì lòng đại từ bi vô hạn, thương xót chúng sinh trong ba cõi nên xuất hiện ở thế gian để truyền bá đạo pháp, mong cứu giúp phàm phu và mang lại cho họ những lợi ích chân thật.

Năm 80 tuổi, Đức Phật Thích Ca nhập Niết bàn. Theo cách diễn giải của truyền thống được trình bày trong bài viết này, Ngài trở về Phật độ của mình, được gọi là cõi Vô Thắng, an trụ trong trạng thái Niết bàn, vượt ngoài sinh tử. Nội dung này được tác giả liên hệ với kinh Niết bàn.

Trước khi nhập Niết bàn, Đức Phật Thích Ca đã giới thiệu Đức Phật A Di Đà với các đệ tử, đồng thời khuyến khích họ phát nguyện vãng sinh về cõi Cực Lạc của Ngài.

Theo cách lý giải của giáo lý Tịnh độ, điều này xuất phát từ niềm tin rằng Đức Phật A Di Đà vẫn đang tiếp tục giáo hóa chúng sinh và truyền trao Phật pháp, như được trình bày trong kinh A Di Đà.

Vì sao Đức Phật Thích Ca giới thiệu Đức Phật A Di Đà với các đệ tử?

Theo quan điểm được trình bày trong bài viết, một bậc thánh muốn tiến đến quả vị Phật cần nương theo hướng dẫn của vị Phật giáo chủ mà mình quy hướng. Vị ấy phải học tập và thực hành giáo pháp, được thọ ký thành Phật, đồng thời được chư Phật chứng minh.

Điều này có thể hình dung qua con đường học thuật. Một sinh viên sau khi tốt nghiệp đại học, nếu muốn đạt học vị thạc sĩ hoặc tiến sĩ, cần tiếp tục nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của một giáo sư trong lĩnh vực chuyên môn, rồi bảo vệ luận văn trước hội đồng học thuật. Trong cách ví von của tác giả, Đức Phật A Di Đà được xem như bậc thầy tối thượng dẫn dắt các bậc Thánh trên con đường tiến đến Phật quả.

Bởi thọ mạng vô lượng, Đức Phật A Di Đà có thể tiếp tục đồng hành, hướng dẫn các bậc Thánh trên con đường tu tập cho đến khi thành Phật. Ánh sáng vô lượng

của Ngài cũng được diễn giải như biểu tượng cho trí tuệ viên mãn, có khả năng phá trừ vô minh và giúp hành giả hội đủ những điều kiện cần thiết để tiến đến giác ngộ.

Trước khi thành Phật, Đức A Di Đà từng là một vị Bồ tát có danh hiệu Pháp Tạng (Dharmākara). Theo kinh Vô Lượng Thọ, dưới sự hướng dẫn của Đức Phật Thế Tự Tại Vương (Lokesvararāja), Ngài đã phát 48 đại nguyện nhằm kiến lập cõi Phật thanh tịnh trong tương lai. Mục đích là tiếp dẫn chúng sinh trong mười phương vãng sinh về cõi nước ấy, giúp họ vượt thoát khổ đau và tiến đến giải thoát.

Làm thế nào để chúng sinh được vãng sinh về cõi Phật A Di Đà?

Theo giáo lý Tịnh độ, câu trả lời được tìm thấy trong đại nguyện thứ 18 của Đức Phật A Di Đà: *“Nếu khi tôi thành Phật, chúng sinh trong mười phương chí thành tin tưởng, hoan hỷ, mong muốn được sinh về cõi nước của tôi và trì niệm danh hiệu tôi, dù chỉ mười niệm, mà không được vãng sinh về đó, thì tôi thề không thành Chính giác”*.

Theo kinh điển Tịnh độ, đại nguyện này đã được thành tựu từ mười kiếp trước; vì vậy, Đức Phật A Di Đà hiện đã thành Phật. Từ góc nhìn của Tịnh độ tông, đại nguyện ấy thể hiện sức mạnh của tha lực, mở ra con đường vãng sinh cho những người chuyên tâm xưng niệm danh hiệu “Nam Mô A Di Đà Phật”, nương vào nguyện lực của Ngài để đạt được sự bảo đảm vãng sinh về cõi Cực Lạc.

Cụm từ “dù chỉ mười niệm” được tác giả diễn giải theo hai khả năng: hành giả chuyên tâm xưng niệm danh hiệu “Nam Mô A Di Đà Phật” trong suốt quãng đời còn lại, hoặc chí thành xưng niệm mười lần vào thời điểm cuối đời. Theo niềm tin Tịnh độ được trình bày trong bài viết, khi vãng sinh về cõi Cực Lạc, chúng sinh được an trú trong cảnh giới an lạc, hướng đến trạng thái giải thoát vượt ngoài sinh tử.

Sau khi vãng sinh, chúng sinh được xem là những vị Bồ tát, tức các bậc thánh có công đức thù thắng. Họ được tiếp tục tu học dưới sự hướng dẫn của Đức Phật A Di Đà, được Ngài thọ ký thành Phật và được chư Phật trong mười phương chứng minh.

Ở cuối kinh Vô Lượng Thọ, Đức Phật Thích Ca dạy rằng khi các kinh điển và những lời dạy khác của Phật pháp dần diệt mất theo thời gian, vì lòng thương xót chúng sinh, Ngài sẽ đặc biệt lưu giữ kinh này ở thế gian thêm một trăm năm. Những chúng sinh có duyên gặp được kinh đều có thể nương theo giáo

pháp để được cứu độ như nguyện.

Theo cách diễn giải của tác giả, điều đó có nghĩa là con đường vắng sinh do Đức Phật A Di Đà mở ra vẫn dành cho tất cả chúng sinh, bất kể họ là phật tử hay chưa phải phật tử.

Lời nguyện ấy được xem là vẫn có giá trị ngay cả khi Đức Phật Thích Ca không còn hiện diện ở thế gian và giáo pháp của Ngài dần mai một.

Chẳng phải lòng đại từ bi vô lượng của Như Lai thật nhiệm mầu hay sao?

Tác giả: **Alan Kwan**/Chuyển ngữ: **Hoa Mạn**

Nguồn link: <https://www.buddhistdoor.net/features/how-shakyamuni-introduced-amitabha-before-his-parinirvana/>